

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM**  
**(Ngày 28 tháng 12 năm 2023)<sup>(2)</sup>**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **LÊ THỊ TÍCH** Năm sinh: 1974
- Chức vụ/ chức danh công tác: Hiệu trưởng trường mầm non Điền Công
- Cơ quan /đơn vị công tác: Trường mầm non Điền Công
- Hộ khẩu thường trú: Liên Phương - Phương Đông - Uông Bí - Quảng Ninh
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 2 - tiểu khu Liên Phương - Phương Đông - Uông Bí - Quảng Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>1</sup>: 022174010084  
ngày cấp 19/02/2011; nơi cấp Cục Trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên chồng: **Nguyễn Văn Hùng** Năm sinh: 1971
- Chức vụ/ chức danh công tác: Nghề tự do
- Cơ quan /đơn vị công tác: Không
- Hộ khẩu thường trú: Liên Phương - Phương Đông - Uông Bí - Quảng Ninh
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 2 - tiểu khu Liên Phương - Phương Đông - Uông Bí - Quảng Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022071009816  
ngày cấp 19/02./2011 nơi cấp Cục Trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật): Không

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>2</sup>:

1.1.1. Thừa thừa nhất:

---

- + Địa chỉ: Tổ 2 - Liên Phương - Phương đông - Uông Bí - Quảng Ninh
- + Diện tích: 775m<sup>2</sup>
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số 137113 do UBND thị xã Uông Bí cấp, Mang tên Nguyễn Văn Hùng
- + Ngày, tháng, năm cấp: 9/1999
- + Giá trị: 2 tỷ đồng
- + Thông tin khác: Không

1.1.2. Mảnh thứ 2:

- + Địa chỉ: Cửa Ngăn - Phương đông - Uông Bí - Quảng Ninh
- + Diện tích: 397,1m<sup>2</sup>
- + Giá trị: 150 Triệu đồng
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: số BĐ 574552 do UBND thành phố Uông Bí cấp mang tên Nguyễn Văn Hùng - Lê Thị Tích
- + Ngày, tháng, năm cấp: tháng 28/1/2011
- + Thông tin khác: Không

1.1.3. Mảnh thứ 3:

- + Địa chỉ: Đồng Minh - Phương đông - Uông Bí - Quảng Ninh
- + Diện tích: 100,6m<sup>2</sup>
- + Giá trị: 200 triệu đồng
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: số: BĐ 999551 do UBND thành phố Uông Bí cấp mang tên Nguyễn Văn Hùng - Lê Thị Tích
- + Ngày, tháng, năm cấp: Tháng 9/4/2012

1.1.4. Mảnh đất thứ 4:

- + Địa chỉ: Cửa Ngăn - Phương đông - Uông Bí - Quảng Ninh
- + Diện tích: 230m<sup>2</sup>
- + Giá trị: 200 triệu đồng
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng số: A 500665 mang tên Phạm Thị Cuốn
- + Ngày, tháng, năm cấp: tháng 26/10/1992
- + Thông tin khác: Mảnh đất trên gia đình mua được cắt từ mảnh đất trên và chưa làm thủ tục tách bìa. Chỉ có hồ sơ công chứng chuyển nhượng.

1.1.5. Mảnh đất thứ 5:



- + Địa chỉ: Tân Lập - Phương đông - Uông Bí - Quảng Ninh
- + Diện tích: 135m<sup>2</sup>
- + Giá trị: 500 triệu đồng
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: số: CH00440 mang tên Nguyễn Văn Hùng, Lê Thị Tích
- + Ngày, tháng, năm cấp: tháng 10/2018

## 1.2. Các loại đất khác<sup>3</sup>:

### 1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Sử dụng 50 năm mang tên Hoàng Văn Thiện. Địa chỉ: Bí Trung - Phương Đông - Uông Bí - Quảng Ninh

Diện tích: 2792m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 200 triệu đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Mang tên Hoàng Văn Thiện. Địa chỉ: Bí Trung - Phương Đông - Uông Bí - Quảng Ninh, Cấp ngày 26/10/1992

Chưa sang tên chính chủ (Khi mua bán chỉ có giấy tờ mua bán của 2 bên)

- Thông tin khác: Không

### 1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Không.

## 2. Nhà ở, công trình xây dựng:

### 2.1. Nhà ở:

#### 2.1.1. Nhà thứ nhất:

- + Địa chỉ: Số 07 - Tổ 2 - Liên Phương - Phương Đông - Uông Bí - Quảng Ninh)

- + Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ

Cấp công trình: Cấp 4

- + Diện tích xây dựng: 240m<sup>2</sup>

- + Giá trị: 2.000.000.000 đồng

- + Giấy xây dựng quyền sở hữu: mang tên Nguyễn Văn Hùng. Địa chỉ: Liên Phương - Phương Đông - Uông Bí - Quảng Ninh

- + Thông tin khác: Bên cạnh nhà ở có một nhà để xe và chứa đồ diện tích 40m<sup>2</sup>.; Trong khuôn viên khu nhà còn có một dãy nhà trọ 7 phòng, Tổng diện tích 60m<sup>2</sup>

#### 2.1.2. Nhà thứ 2

- Địa chỉ: Tòa nhà The SAPPHIRE. Số 1, Phường Bến Đoan, Thành phố Hạ Long

- Loại nhà: Căn hộ

- Diện tích sử dụng: 62m<sup>2</sup>

- Giá trị: 1.700.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số Co314762 do UBND thành phố Hạ Long cấp, Mang tên Nguyễn Văn Hùng, Lê Thị Tích

+ Ngày, tháng, năm cấp: 29/11/2019

- Thông tin khác: Không

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không có

- Tên công trình: ..... Địa chỉ: .....

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không có

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: Không có

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>: Không có

- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>: Không có

- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị: .....

- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không có

- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: Không có

- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu: Không có

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

### 6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn: Kinh doanh. Giá trị: 1.000.000.000đ

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

### 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>: Không

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

### 7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không có

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) <sup>(24)</sup>: Không có

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác) <sup>(25)</sup>: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

### 8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: Không

### 9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

### 10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 488.000.000 đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 155.000.000 đ

- Tổng thu nhập của vợ chồng: 315.000.000 đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung từ tăng gia, sản xuất, chăn nuôi: 18.000.000đ

## III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup>

| Loại tài sản, thu nhập               | Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup> |                           | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|--------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|                                      | Số lượng tài sản                           | Giá trị tài sản, thu nhập |                                                                      |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất |                                            |                           |                                                                      |
| 1.1. Đất ở                           |                                            |                           |                                                                      |

| Loại tài sản, thu nhập                                                                                                                                                                               | Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup> |                           | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                      | Số lượng tài sản                           | Giá trị tài sản, thu nhập |                                                                      |
| 1.2. Các loại đất khác                                                                                                                                                                               |                                            |                           |                                                                      |
| 2. Nhà ở, công trình xây dựng                                                                                                                                                                        |                                            |                           |                                                                      |
| 2.1. Nhà ở                                                                                                                                                                                           |                                            |                           |                                                                      |
| 2.2. Công trình xây dựng khác                                                                                                                                                                        |                                            |                           |                                                                      |
| 3. Tài sản khác gắn liền với đất                                                                                                                                                                     |                                            |                           |                                                                      |
| 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất                                                                                                                                                                      |                                            |                           |                                                                      |
| 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất                                                                                                                                                                  |                                            |                           |                                                                      |
| 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên                                                                                               |                                            |                           |                                                                      |
| 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên |                                            |                           |                                                                      |
| 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):                                                                       |                                            |                           |                                                                      |
| 6.1. Cổ phiếu                                                                                                                                                                                        |                                            |                           |                                                                      |
| 6.2. Trái phiếu                                                                                                                                                                                      |                                            |                           |                                                                      |
| 6.3. Vốn góp                                                                                                                                                                                         |                                            |                           |                                                                      |
| 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác                                                                                                                                                                    |                                            |                           |                                                                      |
| 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:                                                                                                                                                 |                                            |                           |                                                                      |
| 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)                                      |                                            |                           |                                                                      |
| 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác)                                                                                                     |                                            |                           |                                                                      |
| 8. Tài sản ở nước ngoài                                                                                                                                                                              |                                            |                           |                                                                      |
| 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup>                                                                                                                                                |                                            |                           |                                                                      |

Uông Bí, ngày 29 tháng 12 năm 2023  
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI



**Nguyễn Văn Thanh**  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT

Uông Bí ngày 28 tháng 12 năm 2023  
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

